

Số: 109/2019/QĐST-HNGĐ

Gò Công Đông, ngày 18 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Khu phố D, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Phạm Quốc H, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc P, sinh ngày xx/x/20xx cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Quốc H không phải

cấp dưỡng nuôi con vì chị T chưa yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Quốc H được sở hữu căn nhà cất trên thửa đất số 21 tại ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00117 ngày 30/7/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Phạm Quốc H) hiện anh H đang quản lý nhà. Anh Phạm Quốc H có nghĩa vụ giao chị Nguyễn Thị T số tiền $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 50.000.000 đồng.

Anh Phạm Quốc H được sở hữu số tiền 11.000.000 đồng (hiện anh H đang quản lý). Anh Phạm Quốc H có nghĩa vụ giao lại chị Nguyễn Thị T số tiền 5.500.000 đồng.

Thời gian giao tiền: Anh Phạm Quốc H có nghĩa vụ giao các khoản tiền trên cho chị Nguyễn Thị T được nhận một lần vào ngày 15/9/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Phạm Quốc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí:

Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.387.500 đồng, tổng cộng là 1.537.500 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 46175 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, nên chị T còn phải nộp số tiền là 1.237.500 đồng.

Anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.387.500.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Gò Công Đông;
- UBND xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Dũng

